

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày..... tháng năm 2026 của UBND phường Quảng Trị)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2026 tính giao		Ước thực hiện đến ngày 30/6/2026		So sánh TH/DT(%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS địa phương được hưởng	Tổng thu NSNN	Thu NS địa phương được hưởng	Tổng thu NSNN	Thu NS địa phương được hưởng
A	TỔNG THU NSNN	269.137	257.004	211.608	200.648	79%	78%
I	Thu nội địa	68.620	56.487	49.600	38.640	72%	68%
	<i>Trong đó, thu từ thuế, phí lệ phí và thu khác</i>	<i>38.620</i>	<i>38.487</i>	<i>25.600</i>	<i>24.240</i>	<i>66%</i>	<i>63%</i>
1	Thu từ DNNN do địa phương quản lý			1.170	1.170		
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	17.290	17.290	9.650	9.650	56%	56%
3	Thuế thu nhập cá nhân	3.000	3.000	3.300	3.300	110%	110%
4	Thu lệ phí trước bạ	11.000	11.000	7.100	7.100	65%	65%
5	Thu phí, lệ phí	1.500	1.500	830	610	55%	41%
6	Thuế sử dụng đất phi NN	540	540	740	740	137%	137%
7	Tiền thuê đất, thuê mặt nước	890	757	810	620	91%	82%
8	Thu tiền sử dụng đất	30.000	18.000	24.000	14.400	80%	80%
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	2.300	2.300	1.000	700	43%	30%
10	Thu khác ngân sách	2.100	2.100	1.000	350	48%	17%
II	Thu đóng góp						
III	Thu trợ cấp NS cấp trên	197.046	197.046	140.249	140.249	71%	71%
1	Bổ sung cân đối	142.523	142.523	70.000	70.000	49%	49%
2	Bổ sung mục tiêu	54.523	54.523	70.249	70.249	129%	129%
IV	Thu chuyển nguồn	3.471	3.471	21.759	21.759	627%	627%

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN THU NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số/BC-UBND ngày..... tháng năm 2026 của UBND phường Quảng Trị)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Thực hiện đến 30/6/2025	Ước TH đến ngày 30/6/2026	So sánh TH/DT(%)
A	TỔNG THU NSNN			
I	Thu nội địa	47.865	49.600	104%
	Tổng thu thuế, phí, lệ phí, thu khác (loại trừ tiền đất)	21.535	25.600	118,9
1	Thu từ DNNN do địa phương quản lý	175	1.170	666,7
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	8.408	9.650	114,8
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.906	3.300	173,1
4	Thu lệ phí trước bạ	5.293	7.100	134,1
5	Thu phí, lệ phí	1.117	830	74,3
6	Thuế sử dụng đất phi NN	279	740	265,7
7	Tiền thuê đất, thuê mặt nước	2.335	810	34,7
8	Thu tiền sử dụng đất	26.330	24.000	91,2
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	0	1.000	
10	Thu khác ngân sách	1.999	1.000	50,0
11	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản	22		0,0

UBND PHƯỜNG QUẢNG TRỊ

Phụ lục 03

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND phường Quảng Trị)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán 2026	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2026	So sánh TH/DT(%)
	CHI NGÂN SÁCH	257.004	131.347	51%
I	Chi đầu tư phát triển	20.882	9.845	47%
1	Chi đầu tư cho các dự án		8.801	
-	Chi GD -ĐT và dạy nghề			
-	Chi KHCN			
-	Chi văn hóa thông tin			
-	Chi thể dục thể thao			
-	Chi bảo vệ môi trường			
-	Chi các hoạt động kinh tế		3.801	
-	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể		5.000	
2	Chi đầu tư phát triển khác	1.044	1.044	
II	Chi thường xuyên	177.550	83.292	47%
1	Chi quốc phòng	418	198	47%
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	418	99	24%
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	97.880	47.535	49%
4	Chi khoa học và công nghệ	515	112	22%
5	Chi y tế, dân số và gia đình	6.837	2.582	38%
6	Chi văn hoá thông tin	480	272	57%
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	410	207	50%
8	Chi thể dục thể thao	322	190	59%
9	Chi bảo vệ môi trường	8.350	4.152	50%
10	Chi các hoạt động kinh tế	21.099	8.364	40%
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	33.919	16.452	49%
12	Chi đảm bảo xã hội	5.688	3.086	54%
13	Các khoản chi khác	1.214	43	4%
III	Chi BSMT thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	54.523	37.246	68%
IV	Dự phòng ngân sách	4.049	964	24%